

Số: **0 5 2 8**/BC - CMV

Hà Nội, ngày **24** tháng **3** năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100015 đăng ký lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/01/2022 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm, năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.031.041.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm ba mươi một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu đồng*). Chủ sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04- 36647515 Fax: 04-36647493 Website: www.cmv.vn
- Mã cổ phiếu: MVB.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cổ phần hóa Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ 01/10/2015. Tổng công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 28/01/2016. Cổ phiếu của Tổng công ty với mã chứng khoán MVB chính thức niêm yết trên sàn giao dịch HNX từ ngày 28/10/2020.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

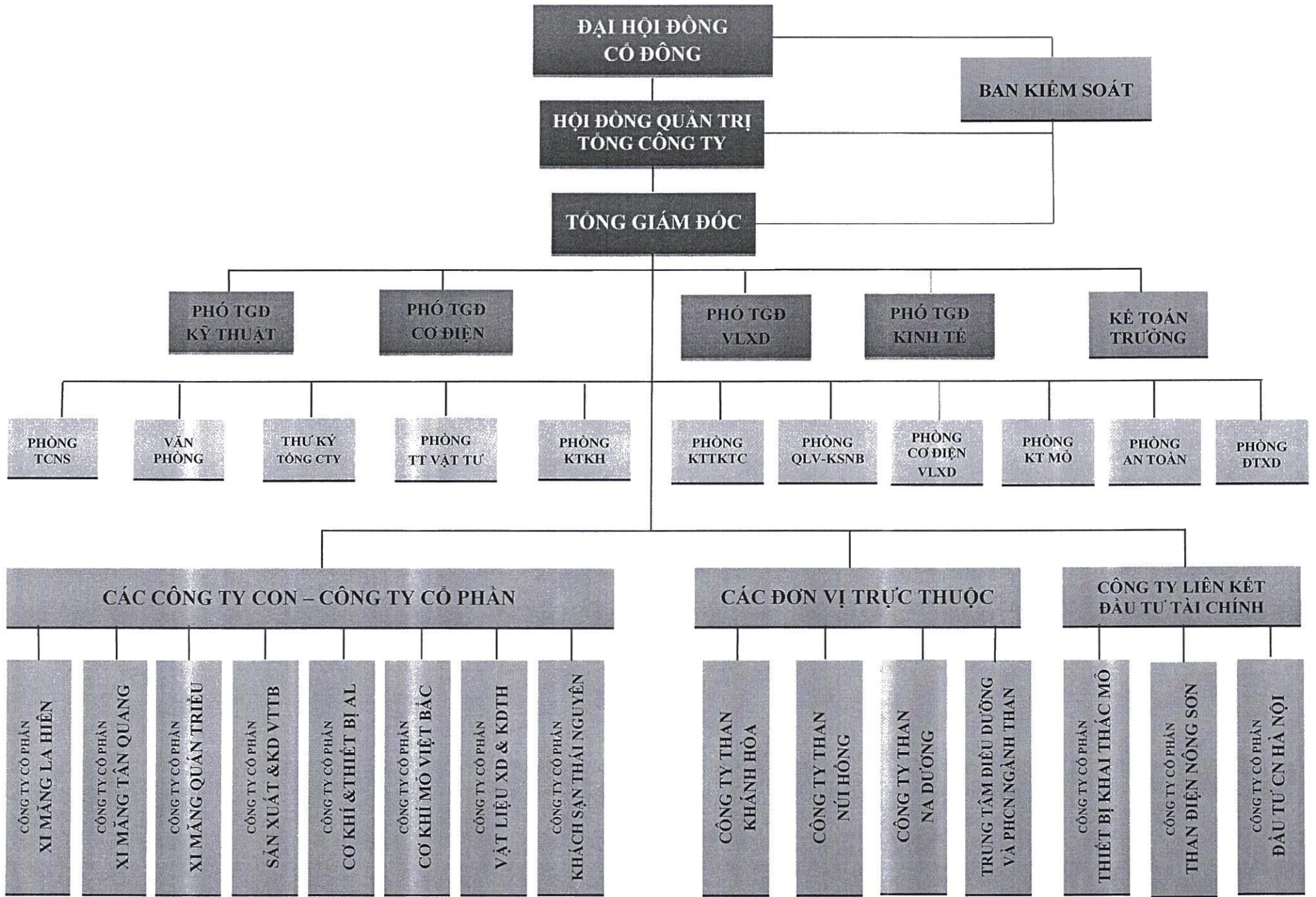
- Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác và thu gom than; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí và kinh doanh tổng hợp.
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Hà Nam, Thanh Hóa và các tỉnh phía bắc: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lào Cai, Hà Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: xây dựng ban hành các quy chế quản lý mọi hoạt động của Tổng công ty, kinh doanh đúng pháp luật, tăng trưởng phát triển doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị 05 người (trong đó có 01 Thành viên độc lập HĐQT), Ban kiểm soát 03 người. Các Thành viên HĐQT, Ban KS do Đại hội đồng cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành:
 - + Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.
 - + Các phòng chức năng có 10 phòng quản lý nghiệp vụ.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có 04 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, 08 Công ty con là công ty cổ phần và 03 Công ty liên kết, đầu tư tài chính (theo sơ đồ tổ chức dưới đây):



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Đối với sản phẩm than**

Duy trì và mở rộng tối đa biên giới khai thác theo cả chiều sâu và chu vi ruộng mỏ đối với các Mỏ than Khánh Hòa, Na Dương và Núi Hồng để khai thác ổn định lâu dài:

a) Mỏ than Núi Hồng: Để phù hợp với nhu cầu tiêu thụ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, sản lượng than khai thác phần lộ thiên của mỏ sẽ duy trì mức 400.000 tấn/năm.

b) Mỏ than Na Dương: Đầu tư mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm để khai thác đáp ứng được nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương I và II với công suất 200 MW phù hợp với tiến độ của Nhà máy.

c) Mỏ than Khánh Hòa: Tập trung công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện công tác đền bù GPMB hết sức khó khăn và chi phí GPMB lớn, giá thành khai thác cao; Tổng công ty sẽ tính toán, cân đối khai thác với sản lượng hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và một phần hoặc cung cấp đủ than cho các nhà máy xi măng trong Tổng công ty.

- **Đối với các sản phẩm của các công ty con (Công ty cổ phần)**

* **Sản phẩm xi măng:**

a) Phát huy công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng

b) Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

* **Sản phẩm cơ khí:**

c) Nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, đầu tư các thiết bị gia công cơ khí có độ chính xác cao, đảm bảo cung ứng phụ tùng cho sản xuất than, khoáng sản, điện, xi măng và sản xuất khác trong ngành và vươn ra thị trường ngoài ngành;

d) Đầu tư chiều sâu để cơ khí sửa chữa đảm đương được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đủ sức sửa chữa các thiết bị tiên tiến yêu cầu kỹ thuật cao.

- **Sản xuất khác:**

Kết hợp cả đầu tư chiều sâu và chiều rộng để phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của Tổng công ty, Tập đoàn và kinh tế đất nước, đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chú trọng phát triển những sản phẩm hiện có như: vỏ bao xi măng, vỏ bao alumin, sản phẩm khai thác đá các loại, đất sét, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng v,v.....

II. Tình hình hoạt động năm 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2022	Điều chỉnh năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật					
+	Than nguyên khai	tấn	1 435 000	1 336 000	1 311 780	98,19
+	Bóc đất đá	m ³	13 135 000	12 485 000	12 192 686	97,66
+	Than sạch sản xuất	tấn	1 500 000	1 500 000	1 574 995	104,81
+	Than tiêu thụ	tấn	1 500 000	1 500 000	1 572 110	104,8
2	Vốn điều lệ	Tr.đ	1 050 000	1 050 000	1 050 000	100,00
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	1 948 582	1 948 582	2 595 435	133,20
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	155 798	155 798	155 705	99,94
5	Nộp thuế TNDN	Tr.đ	24 913	24 913	24 121	96,82
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	130 885	130 885	131 583	100,53
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	≥ 9	≥ 9	Dự kiến 12	133,33
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	56 216	38 002	33 173	87,29

Năm 2022, hoạt động khai thác than của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn như: Giá cả nhiên liệu tăng cao, công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ khai thác, đổ thải có nhiều vướng mắc, chất lượng than nguyên khai mỏ Na Dương thấp do khu II là nơi than chất lượng tốt tạm dừng khai thác theo thiết kế để theo dõi độ ổn định của bờ trụ Mỏ than Na Dương; khai thác than hầm lò tại mỏ Khánh Hòa tạm dừng khai thác do chưa xin được giấy phép khai thác mỏ v.v.... Tuy nhiên, các đơn vị trong Tổng công ty đã chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành, chức sản xuất hợp lý nâng cao năng suất thiết bị, đáp ứng nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương, Cao Ngạn và các công ty sản xuất xi măng trong Tổng công ty.

Các đơn vị sản xuất than thực hiện tốt chỉ đạo của Tổng công ty, có nhiều biện pháp để khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, hệ số thu hồi than sạch đạt 102,11% kế hoạch, tăng cường tuyển than sạch từ sản phẩm ngoài than (đất đá lẫn than, bã sàng lẫn than) nên giảm khai thác than nguyên khai nhưng than tiêu thụ tăng so với kế hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

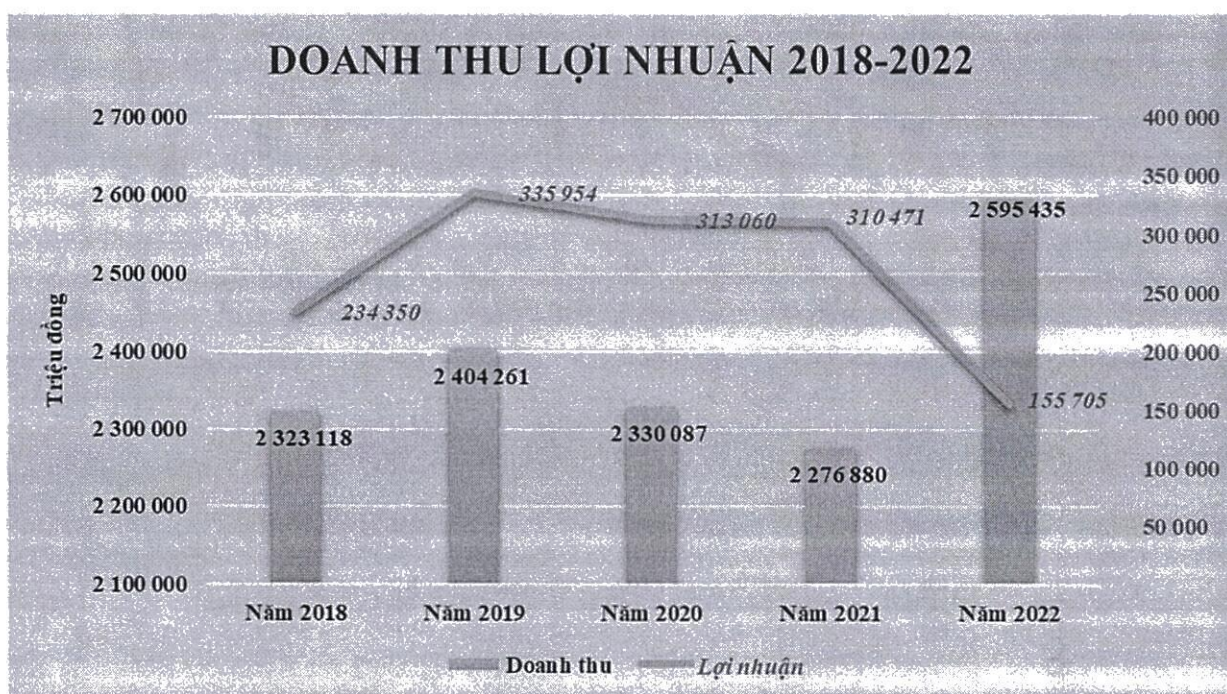
Năm 2022 nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm, xuất khẩu hạn chế do hướng chính sách zero Covid của Trung Quốc nên thị trường tiêu thụ xi măng trong nước diễn ra cạnh tranh gay gắt, song các đơn vị sản xuất xi măng đã chủ động, linh hoạt với các diễn biến của thị trường để có chính sách bán hàng phù hợp. Các công ty xi măng đã sử dụng có hiệu quả các vật liệu sẵn có trên địa bàn như: tro bay, tro đáy của các nhà máy nhiệt điện, đá thải sau tuyển nước của Mỏ than Khánh Hòa để giảm chi phí tiêu hao than, tăng tỷ lệ phối trộn phụ gia nhằm hạ giá thành. Các đơn vị sản xuất xi măng phát huy công suất của dây chuyền; sản lượng tiêu thụ đạt 2.575.093 tấn bằng 105% kế hoạch.

Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh. Theo đó tập trung vào các nội dung cụ thể sau: (i) Tăng cường quản lý điều hành các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ từ khâu thiết kế, tổ chức thi công, nghiệm thu sản phẩm, tăng tỷ lệ thu hồi than sạch, nâng cao hiệu quả SXKD, (ii) Tổ chức điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao

động; (iii) Tập trung quản lý giá cả đầu vào, chủ động điều hành dòng tiền, trả gốc trước hạn giảm chi phí lãi vay.

Công tác bảo vệ môi trường luôn quan tâm chỉ đạo và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với sự phát triển bền vững của các đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng chi phí cho công tác môi trường trong hoạt động sản xuất than năm 2022 là 48,03 tỷ đồng.

Năm 2022, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Toàn thể cán bộ, công nhân viên đoàn kết nhất trí để vượt qua những khó khăn cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Tổng công ty đã đề ra.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, đã vượt qua những khó khăn, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Ban điều hành Tổng công ty đã chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam:

- Đã có các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

- Đã tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Các thành viên trong Bộ máy điều hành đoàn kết, có sự phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Trịnh Hồng Ngân: Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 19/01/1977 Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0914525667
- Địa chỉ thường trú: Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu: 14.700 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không.

2) Vũ Minh Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/01/1967 Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0946.568.999
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu: Không
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

3) Nguyễn Văn Dũng: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/10/1966 Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0913.547.895
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Quang - TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : Không
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

4) Phạm Thanh Hải: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 30/03/1974 Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0983.868.998
- Địa chỉ thường trú: Phường Tây Mỗ - Quận Nam Từ Liêm- Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ.

- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu: Không
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

5) Nguyễn Thạc Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 02/10/1970 Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh Điện thoại: 0912.386.486
- Địa chỉ thường trú: Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp; Kỹ sư Khai thác Mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu: 2.300 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
 - + Vợ sở hữu: 43.400 cổ phần
 - + Chị dâu: 9.100 cổ phần
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

6) Lê Minh Hiền: Kế toán trưởng Tổng công ty

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 21/02/1981 Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0983.225.479
- Địa chỉ thường trú: Phường Khương Trung-Q.Thanh Xuân-Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế; Cử nhân kế toán, Kỹ sư Khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

1) Ông Trịnh Hồng Ngân - Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 09/12/2022 (Quyết định số 256/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2022 về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty).

2) Ông Phạm Thanh Hải - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/3/2022 (Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 25/02/2022 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty).

3) Ông Nguyễn Thạc Tân – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 12/04/2022 (Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 07/04/2022 về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty).

4) Ông Lê Minh Hiền – Kế toán trưởng Tổng công ty từ ngày 09/11/2022 (Quyết định số 229/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2022 về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty).

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và tiền lương bình quân:

- Tổng số cán bộ, người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP tại ngày 10/3/2023 là: 1.760 người (Công ty than Núi Hồng: 529 người; Công ty than Khánh Hòa: 604 người; Công ty than Na Dương: 516 người; Trung tâm Điều dưỡng ngành than: 19 người; Cơ quan Tổng công ty: 92 người).

- Tiền lương bình quân của người lao động: 13.767.999 đồng/người-tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng năm 2022:

Năm 2022, giá trị thực hiện đầu tư là 33.173 triệu đồng bằng 87.29% kế hoạch năm. Trong năm 2022 các đơn vị sản xuất than đã thực hiện đầu tư các công trình xây dựng và các thiết bị phục vụ sản xuất như:

+ Dự án bồi thường GPMB mở rộng khai trường và bãi đổ thải giai đoạn I - Công ty than Na Dương;

+ Dự án Đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lọc, tách dầu Phân xưởng khai thác vận tải - Công ty Than Na Dương.

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 - Công ty than Na Dương, Khánh Hòa, Núi Hồng.

+ Dự án đầu tư hệ thống phun sương mặt bằng sàng tuyển than - Công ty than Na Dương;

Các dự án được triển khai khẩn trương đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành, các công trình đưa vào sử dụng đều đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, cũng như từng bước thay thế các thiết bị hết khấu hao.

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các đơn vị sản xuất than đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Về các dự án lớn:

+ Dự án Mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2016 với tổng mức đầu tư 777,67 tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại dự án đã thi công xong Phân xưởng khai thác vận tải và bàn giao đưa vào sử dụng tháng 4/2021. Các hạng mục còn lại sẽ được triển khai phù hợp với tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II của Tổng công ty Điện Lực – TKV.

+ Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa: Tổng công ty đã thẩm định hồ sơ Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa (điều chỉnh) và trình TKV tại văn bản số 0155/TTr-HĐQT ngày 20/7/2022 của Người đại diện phần vốn TKV tại Tổng công ty về việc đề nghị thông qua báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa (điều chỉnh). Các ban chuyên môn của TKV đã xem xét tờ trình của Tổng công ty, tiếp thu các ý kiến của các ban TKV Tổng công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh bổ sung một số nội dung của hồ sơ. Dự kiến đầu quý II năm 2023 sẽ trình lại TKV để xem xét thông qua.

+ Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng: Đơn vị tư vấn đang thực hiện, theo Báo cáo kết quả thăm dò than khu mỏ Núi Hồng tại Quyết định số 1206 /QĐ-HĐTL ngày 21/4/2022, một phần trữ lượng nằm trong ranh giới giấy phép khai thác số 3226/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 không được Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt trong báo cáo. Tổng công ty đã báo cáo TKV và đề nghị lập Đề án nâng cấp trữ lượng trong kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2023 để triển khai công tác phê duyệt bổ sung phần trữ lượng này, làm cơ sở cho việc lập Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

3.3. Đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết:

a) Đầu tư vào công ty con:

TT	Công ty con	Vốn điều lệ (1000 đ)	Tỷ lệ góp	Doanh thu SXKD	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty CP Cơ khí và TBAL-VVMI	12 000 000	51%	530 163 297 687	3 046 870 643
2	Công ty CP SX& KD VTTB-VVMI	12 500 000	51%	320 043 955 312	2 905 159 572
3	Công ty CP VLXD và KDTH-VVMI	7 500 000	51%	36 432 858 234	526 657 390
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	10 080 000	51%	164 440 418 934	2 725 193 116
5	Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	250 000 000	84.91%	717 274 773 394	50 711 241 341
6	Công ty CP KS Thái Nguyên-VVMI	7 500 000	51%	24 484 035 513	25 934 292
7	Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	120 000 000	51.38%	811 808 649 177	70 444 778 880
8	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	350 000 000	57.14%	953 195 068 897	54 014 208 946

b) Đầu tư vào công ty liên kết:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	6 000	29%	

c) Đầu tư dài hạn khác:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Than điện Nông Sơn	140 000	10.80%	
2	Công ty CP Đầu tư CN Hà Nội	100 000	1.5%	

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính (Từ 01/01/2022 – 31/12/2022):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Công ty mẹ)	Năm 2021 (Công ty mẹ)	Tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	2.044.512.075.921	2.193.619.083.398	- 6,8
2	Doanh thu thuần	2.544.012.239.780	2.276.880.281.585	11,73
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	156.981.911.507	308.922.154.741	- 49,18

9/2

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Công ty mẹ)	Năm 2021 (Công ty mẹ)	Tăng giảm (%)
4	Lợi nhuận khác	-1.277.319.378	1.549.015.968	
5	Lợi nhuận trước thuế	155.704.592.129	310.471.170.709	- 49,85
6	Lợi nhuận sau thuế	131.582.799.172	251.737.839.364	- 47,73
7	Tỷ lệ trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2022 (Công ty mẹ)	Thời điểm 31/12/2021 (Công ty mẹ)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,23	2,28
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,93	1,80
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,28
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,39
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho	16,26	12,38
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,17%	11,06%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,78%	15,98%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	6,44%	11,48%
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	6,17%	13,57%

c. Tình hình tài sản công ty mẹ:

Tài sản của công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV –CTCP tại thời điểm 1/1/2022 là: 2.193.619.083.398 đồng, tại thời điểm 31/12/2022 là 2.044.512.075.921 đồng.

Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2022 là 498.071.430.345 đồng, trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 235.000.000 đồng.

d. Tình hình nợ phải trả công ty mẹ:

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 546.614.161.578 đồng. Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn là 311.909.814.612 đồng;

+ Nợ dài hạn là 234.704.346.966 đồng

+ Không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng xấu của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính (BC hợp nhất)

- Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH: 0,72
- Hệ số bảo toàn vốn: 0,99
- Tỷ suất lợi nhuận: ROE = 11,76% ROA = 6,84%
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,18
- Hệ số thanh toán nhanh: 0,95
- Doanh thu, chi phí, kết quả:



- Cơ cấu cổ đông:

b) Cơ cấu cổ đông:

nghiep.Than – Khoang san Viet Nam

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 105.000.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần). Số lượng cổ phần chuyển nhượng từ là 1.895.900 cổ phần, số còn lại: 103.104.100 cổ phần thuộc sở hữu nhà nước là Tập đoàn Công

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

e. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.478.137.241.276	4.926.878.151.754
Trong đó: Doanh thu nội bộ đã bù trừ		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2.488.262.453	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.475.648.978.823	4.926.878.151.754
4. Giá vốn hàng bán	11	4.668.548.896.435	4.041.082.997.014
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	20	807.100.082.388	885.795.154.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.693.673.265	15.944.036.114
7. Chi phí tài chính	22	82.349.699.477	99.576.190.683
Trong đó: Lãi vay phải trả	23	74.341.346.501	93.481.383.451
8. Chi phí bán hàng	25	105.131.666.343	92.249.554.378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	347.674.412.101	300.087.596.013
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+(24-(25+26))	30	285.637.977.732	409.825.849.780
11. Thu nhập khác	31	1.628.847.285	6.821.800.581
12. Chi phí khác	32	7.315.510.007	3.164.009.771
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(5.686.662.722)	3.657.790.810
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	279.951.315.010	413.483.640.590
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	50.520.487.742	88.497.467.003
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(1.338.896.419)	(13.678.792.922)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	230.769.723.687	338.664.966.509
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	174.040.402.355	287.837.074.884
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	56.729.321.332	50.827.891.625
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.658	2.741
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,194%
2	Cổ đông pháp nhân trong nước	5 000	0,005%
3	Cổ đông thể nhân trong nước	1 813 180	1,727%
4	Cổ đông là thể nhân nước ngoài	77 720	0,074%
	Tổng cộng	105 000 000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Địa chỉ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103.104.100	98,194%	Số 226 Đường Lê Duẩn - Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi trong kỳ báo cáo.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có đợt phát hành chứng khoán khác trong kỳ

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

*** 6.1. Tác động lên môi trường:**

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính cụ thể như sau:

- Hàng năm thực hiện tuyên truyền, tập huấn, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho các cán bộ công nhân viên.

- Trồng cây phủ xanh tại các khu vực đất trống ở công trường, bãi thải, khu vực văn phòng làm việc, tuyến đường giao thông.

- Duy tu bảo dưỡng thường xuyên, cải tiến các thiết bị máy móc đảm bảo kỹ thuật, an toàn và giảm thiểu tiếng ồn, giảm phát thải.

- Định kỳ bảo dưỡng, cải tiến các thiết bị xử lý bụi, khí thải như hệ thống xử lý lọc bụi túi vải, tĩnh điện; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải tại các khu vực phát sinh để giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

- Thường xuyên tưới đường, vận hành hệ thống phun sương trong và ngoài khu vực sản xuất.

6.2. Quản lý nguồn nguyên nhiên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên nhiên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm (sản xuất khai thác than):

- Dầu diesel thiết bị khai thác than: 18.691.950 lít (tương ứng 400.915 triệu đồng);

- Xăng ô tô các loại: 72.900 lít (tương ứng 1.721 triệu đồng);

- Nguyên vật liệu khác tương ứng 212.323 triệu đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên nhiên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không tái chế và được bán cho đơn vị có chức năng tái chế để đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp các đơn vị sản xuất than thuộc Công ty mẹ và Văn phòng Tổng công ty năm 2022 là: **16.169.325 kW**

6.4. Tiêu thụ nước: Trong năm 2022 lượng nước tiêu thụ dùng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, cụ thể như sau:

+ Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 89.635 m³; nguồn cung cấp nước được mua từ các đơn vị kinh doanh nước sạch trên địa bàn, hồ chứa nước mặt, nước giếng khoan.

+ Lượng nước dùng cho sản xuất phục vụ tưới đường giảm bụi: 288.108 m³; nguồn nước được lấy từ suối, nước moong chứa, hồ tự nhiên hiện có.

+ Lượng nước phục vụ cho phun sương dập bụi: 60.213 m³; nguồn nước được lấy từ moong chứa, hồ chứa và sau xử lý của công ty Môi trường.

+ Lượng nước tái chế sử dụng phục vụ cho việc rửa xe: 2.419 m³; nguồn nước được lấy sau xử lý của trạm xử lý nước thải rửa xe.

+ Lượng nước sử dụng trong sinh hoạt được thu gom qua các hệ thống bể lắng và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Các nguồn nước dùng cho rửa xe và vệ sinh mặt bằng sân công nghiệp v.v... đều được thu gom, xử lý qua các hệ thống đạt quy chuẩn để tái sử dụng hoặc xả thải ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Tổng lượng nước tái chế tái sử dụng là 2.419 m³ (lượng nước tái sử dụng này ở tại trạm xử lý nước thải rửa xe của Công ty than Núi Hồng); tỷ lệ phần trăm tái chế tái sử dụng là 100%.

*** Đánh giá liên quan đến môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải):**

- Tiêu thụ nước: Lượng nước sinh hoạt sử dụng được mua từ các Công ty có chức năng được phép cung cấp như Công ty CP Nước sạch Thái Nguyên, Công ty CP VIWACO, Xí nghiệp khai thác công trình Thủy Nông của huyện Lộc Bình – Lạng Sơn. Lượng nước bơm từ giếng khoan có giấy phép khai thác và không làm ảnh hưởng đến mực nước trong khu vực.

- Nguồn năng lượng tiêu thụ: Đơn vị sử dụng chủ yếu là điện năng, các đơn vị luôn ý thức tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng các thiết bị trong giờ cao điểm.

- Về khí thải và rác thải trong sản xuất kinh doanh của đơn vị: Khí thải được phát sinh từ ô tô, máy xúc, máy gặt..., để hạn chế lượng khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường Tổng công ty luôn thực hiện việc bảo dưỡng, trung đại tu và thay thế thiết bị theo định kỳ nhằm làm giảm độ rung, tiếng ồn và lượng khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

- Rác thải gồm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại:

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày tập kết tại các nơi quy định và hàng năm ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là đất đá thải sinh ra từ việc khai thác than, lượng đất đá thải này được vận chuyển và đổ thải theo đúng thiết kế của dự án đã được duyệt.

+ Chất thải nguy hại: Được thu gom phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, có biển báo, dán tem nhãn chi tiết cho từng loại chất thải và được

bảo quản theo quy định. Hàng năm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý qua các hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

6.5. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với sự phát triển bền vững của các đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng chi phí cho công tác môi trường trong hoạt động sản xuất than năm 2022 là 48,03 tỷ đồng (Trong đó: Chi phí môi trường thường xuyên 3,82 tỷ đồng; chi phí xử lý nước thải 44,21 tỷ đồng).

Tuy nhiên, trong năm 2022 có một số đơn vị vẫn bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường do thực hiện không đầy đủ về quan trắc, giám sát môi trường v,v.....

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Do đặc thù là ngành sản xuất khai thác than, người lao động thường xuyên phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ lao động và môi trường độc hại, nên nguy cơ xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp là rất lớn. Do đó khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty đều xây dựng kế hoạch về bảo hộ lao động với các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc.

- Hằng năm, Tổng công ty đều tổ chức cho một số NLD ưu tú có nhiều đóng góp cho doanh nghiệp được đi tham quan, nghỉ mát. Tổ chức cho người lao động sức khỏe yếu, có thành tích trong công tác v,v.... được nghỉ điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng của TKV (trong đó ưu tiên với NLD làm việc trong hầm lò và làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại). Đối với các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh bụi phổi được khám, điều trị bệnh nghề nghiệp, rửa phổi tại Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam và được nghỉ điều dưỡng sau rửa phổi tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn (năm 2022 có 02 trường hợp).

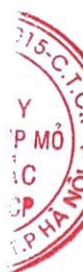
- Thực hiện việc tăng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Có chế độ khen thưởng tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả đóng góp của người lao động v,v....

- Chính sách bảo hiểm: Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

- Chính sách khác: Tổng công ty xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của Nhà nước cụ thể như: Thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trong Tổng công ty, giao lưu với các đơn vị bạn và với địa phương nơi đóng quân. Tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi bị ốm đau, hiếu hỉ v,v....

- Hoạt động đào tạo người lao động: Tổ chức cho cán bộ, công nhân viên học tập các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn phù hợp.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động trong Tổng công ty đã được bố trí việc làm đầy đủ, có thu nhập, làm việc trong môi trường đảm bảo



an toàn. Các chính sách xã hội, an sinh, quyền lợi người lao động đều được Tổng công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các địa phương nơi có Công ty con, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đóng quân trên địa bàn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

1. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2022 Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện tác động của đại dịch Covid -19 và nhiều khó khăn khác. Dưới sự chỉ đạo thống nhất trong hệ thống chính trị Tổng công ty và sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của chính quyền các địa phương nơi các đơn vị của Tổng công ty đóng trên địa bàn, tập thể người lao động Tổng công ty đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm chi phí, thực hiện thắng lợi mục tiêu vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa ổn định sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Tổng công ty:

- Ban điều hành Tổng công ty đã chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Đã có các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, linh hoạt, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Đã tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Các thành viên trong bộ máy điều hành đoàn kết, năng động, sáng tạo, có sự phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

1) Chỉ đạo Bộ máy điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất cho người và thiết bị. Sản xuất than và xi măng theo kế hoạch và đáp ứng nhu cầu thị trường ,thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.

2) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các Công ty con để giám sát hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

3) Tập trung đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ trong diện quy hoạch cán bộ giai đoạn 2022 – 2025 và phát hiện những cán bộ có năng lực để tiếp tục bổ sung vào

quy hoạch, đảm bảo tính kế thừa, đủ số lượng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Tổng công ty. Tăng cường công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý. Chú trọng đến công tác tổ chức bộ máy quản lý tinh giảm gọn nhẹ, tái cấu trúc lao động toàn Tổng công ty theo hướng tăng năng suất lao động.

4) Công tác đầu tư phát triển: Hoàn thiện điều chỉnh dự án khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa. Thực hiện công tác chuẩn bị dự án đầu tư mỏ Núi Hồng (phần sâu) để đưa vào khai thác. Thực hiện đầu tư duy trì các mỏ than và đầu tư chiều sâu các nhà máy xi măng, cơ khí v.v... theo kế hoạch năm 2023 và các năm tiếp theo để đáp ứng yêu cầu của sản xuất, phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư. Thực hiện các phương án đền bù GPMB tại các mỏ than Na Dương, Núi Hồng, Khánh Hòa đúng tiến độ, đúng các quy định của Nhà nước.

5) Chỉ đạo thực hiện công tác môi trường trong toàn Tổng công ty theo đúng quy định, thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt. Vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại, vệ sinh môi trường mặt bằng sản xuất, mặt bằng sân công nghiệp v.v... Chỉ đạo các công ty xi măng đầu tư thiết bị hoạt động ổn định để kiểm soát được các chỉ tiêu, thông số quy định về đảm bảo môi trường.

6) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy chế, nội quy, quy trình các biện pháp kỹ thuật ATLD-VSLD-PCCN. Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất, đầu tư các thiết bị tiên tiến nâng cao mức độ an toàn, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Phấn đấu không để xảy ra TNLD chết người và sự cố loại I, loại II theo phân loại sự cố của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.

7) Kế hoạch năm 2023 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	1000 Tấn	1 335
	- Bóc đất đá	1000 m ³	11 810
	- Than sạch sản xuất	1000 Tấn	1 470
	- Than tiêu thụ	1000 Tấn	1 470
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1 050 000
3	Tổng doanh thu	"	2 108 414
4	Lợi nhuận trước thuế	"	248 608
5	Nộp thuế TNDN	"	41 533
6	Lợi nhuận sau thuế	"	207 075
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 9%
9	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	49 934

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị 05 người gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc, 02 Thành viên khác và 01 Thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu.

- Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị năm 2022:

1) Ông Lê Quang Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 25/12/1964 Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0913.286.925
- Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Royalcity 72A Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – HN.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư máy mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 103.104.100 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không.

2) Ông Trịnh Hồng Ngân - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc:

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

3) Ông Đặng Văn Tùng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 20/12/1964 Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0906.018.166
- Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hà – Thành phố Hạ Long – Quảng Ninh.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không.

4) Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

5) Ông Phạm Văn Lỗ: Thành viên độc lập HĐQT

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 05/3/1957 Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Điện thoại: 0904.467.655
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: thành lập khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và tự giải thể khi kết thúc đại hội.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò cơ quan quản lý Tổng công ty; quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích Tổng công ty và các cổ đông:

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ, bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, cơ chế điều hành phối hợp SXKD của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Tiến hành các cuộc họp đột xuất để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- Hội đồng quản trị căn cứ kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các quý trong năm, có kiểm điểm thực hiện kế hoạch với Bộ máy điều hành, đồng thời có các giải pháp để Tổng công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD.

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kiện toàn công tác tổ chức, công tác cán bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị, bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền.

- Ban hành các nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đồng thời có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các công ty con gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Số buổi họp HĐQT và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Quang Bình	40	100%	
2	Trần Hải Bình	14	35%	Không còn là Thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2022
3	Đặng Văn Tùng	40	100%	
4	Vũ Minh Tân	40	100%	
5	Trịnh Hồng Ngân	40	100%	
6	Phạm Văn Lỗi	26	65%	Là Thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2022

- Số văn bản nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty năm 2022:

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
1	01/01	01/QĐ-HĐQT	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	100%
2	06/01	02/NQ-HĐQT	Thông qua chấp thuận thay đổi năm sản xuất của máy san đường bánh lốp, công suất \geq 240HP	100%
3	17/01	04/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP XM La Hiên	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
4	17/01	05/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch vay vốn ngắn hạn phục vụ SXKD và vốn trung hạn phục vụ các dự án đầu tư năm 2022- Công ty mẹ.	100%
5	17/01	06/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty than Na Dương	100%
6	17/01	07/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh thái Nguyên về chủ trương đền bù GPMB chùa Làng Ngò	100%
7	17/01	08/QĐ-HĐQT	Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
8	18/01	09/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu của Công ty mẹ.	100%
9	25/01	13/NQ-HĐQT	Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Tổng công ty	100%
10	25/01	14/QĐ-HĐQT	Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
11	25/01	15/QĐ-HĐQT	Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
12	15/02	18/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty than Na Dương.	100%
13	15/02	19/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 479/TKV-ĐT ngày 07/2/2022	100%
14	15/02	20/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty than Na Dương	100%
15	15/02	21/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế công bố thông tin Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
16	15/02	22/NQ-HĐQT	Thông qua việc trả lương đối với cán bộ	100%
17	15/02	23/QĐ-HĐQT	Trả lương đối với cán bộ	100%
18	24/02	26/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
19	24/02	27/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của các Công ty con	100%
20	24/02	28/NQ-HĐQT	Thông qua Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 của Công ty CP XM La Hiên	100%
21	24/02	29/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 661/TKV-ĐT ngày 23/2/2022	100%
22	24/02	30/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
23	24/02	31/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo làm rõ trách nhiệm và phương án giải quyết của Công ty CP Cơ khí & TBAL	100%
24	25/02	33/QĐ-HĐQT	Tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ - bổ nhiệm PTGD Tổng công ty	100%
25	08/3	43/NQ-HĐQT	Thông qua cử người đại diện của TCT tham gia HĐQT, BKS Công ty CP XM Quán Triều, nhiệm kỳ 2022-2027	100%
26	08/3	44/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương giảm tiền thuê Khách sạn Mê Linh	100%
27	08/3	45/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh một số nội dung quyết định số 0284/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2021 của HĐQT	100%
28	08/3	46/NQ-HĐQT	Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất- Công ty than Na Dương	100%
29	08/3	47/NQ-HĐQT	Thông qua thành lập Ban tổ chức và tiểu ban phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty	100%
30	09/3	48/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP năm 2022	100%
31	09/3	49/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội ĐCĐ thường niên TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
32	09/3	50/QĐ-HĐQT	Thành lập tổ giúp việc, Ban thư ký Đại hội ĐCĐ thường niên Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
33	09/3	51/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất- Công ty than Na Dương	100%
34	09/3	53/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
35	17/3	58/QĐ-HĐQT	Cử Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty CP xi măng Quán Triều-VVMI nhiệm kỳ 2022-2027.	100%
36	17/3	61/NQ-HĐQT	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua tiếp nhận lao động	100%
37	17/3	62//NQ-HĐQT	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2021 Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	100%
38	23/3	68/NQ-HĐQT	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 Công ty mẹ	100%
39	23/3	69/QĐ-HĐQT	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 Công ty mẹ	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
40	28/3	71/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	100%
41	28/3	72/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ tại Trung tâm Điều dưỡng ngành Than	100%
42	28/3	73/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP CKM Việt Bắc	100%
43	28/3	74/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý II/2022	100%
44	31/3	81/NQ-HĐQT	Thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
45	04/4	82/NQ-HĐQT	Thông qua việc mua vật tư của Công ty CP XM Quán Triều	100%
46	04/4	83/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và hệ số tài chính năm 2022	100%
47	04/4	84/NQ-HĐQT	Thông qua đánh giá hiệu quả và xếp loại DN năm 2021	100%
48	04/4	85/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt lại Đề cương- dự toán và KH LCNT tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng	100%
49	04/4	86/QĐ-HĐQT	Phê duyệt đề cương- dự toán và KH LCNT Gói thầu số 2: Cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường" thuộc dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng	100%
50	06/4	87/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm PTGD Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
51	07/4	88/QĐ-HĐQT	Bổ nhiệm cán bộ - bổ nhiệm PTGD Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
52	13/4	90/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án kỹ thuật- dự toán khoan thăm dò khai thác mỏ than Khánh Hòa năm 2022	100%
53	13/4	91/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	100%
54	13/4	93/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
55	18/4	96/NQ-HĐQT	Thông qua đề cử TV độc lập HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
56	29/4	99/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	100%
57	29/4	100/NQ-HĐQT	Thông qua cử người đại diện của TCT tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Than - Điện Nông Sơn -TKV nhiệm kỳ 2022-2027	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
58	29/4	101/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương giảm 50% tiền thuê Khách sạn Mê Linh tháng 4/2022	100%
59	29/4	102/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
60	29/4	103/NQ-HĐQT	Thông qua phương án, dự toán quan trắc dịch động, thành lập lưới khống chế tại Tổng công ty năm 2022	100%
61	29/4	104/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	100%
62	29/4	105/NQ-HĐQT	Thông qua công khai lợi ích liên quan của ông Lê Quang Bình	100%
63	29/4	106/QĐ-HĐQT	Phân công nhiệm vụ các TV HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
64	04/5	108/QĐ-HĐQT	Giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022	100%
65	04/5	109/QĐ-HĐQT	Giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2022 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
66	05/5	110/QĐ-HĐQT	Cử Người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Than - Điện Nông Sơn -VVMi nhiệm kỳ 2022-2027.	100%
67	09/5	113/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán BCTC năm 2022 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
68	09/5	114/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại kế toán trưởng Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMi	100%
69	09/5	115/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP XM La Hiên-VVMi	100%
70	16/5	119/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch LCNT dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất- Công ty than Na Dương	100%
71	16/5	120/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm bổ sung 01 Phó giám đốc Công ty CP Sản xuất & kinh doanh VTTB-VVMi	100%
72	16/5	121/NQ-HĐQT	Thông qua phương án sử dụng quỹ đầu tư phát triển Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
73	17/5	122/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Công ty than Na Dương-VVMi	100%
74	17/5	123/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý công nợ Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
75	17/5	124/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh và các sản phẩm dịch vụ tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
76	17/5	125/QĐ-CMV	Ban hành Quy chế quản lý sử dụng TSCĐ của Công ty mẹ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
77	23/5	127/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả đánh giá năm 2021 đối với cán bộ và người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp	100%
78	23/5	128/NQ-HĐQT	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền	100%
79	3/6	131/NQ-HĐQT	Thông qua hợp đồng giao dịch với Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV	100%
80	3/6	133/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện văn bản số 2494/TKV-TN ngày 31/5/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	100%
81	10/6	135/NQ-HĐQT	Thông qua chi trả thù lao cho người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tại các doanh nghiệp năm 2021	100%
82	10/6	136/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Thái Nguyên.	100%
83	24/6	140/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương kéo dài thời gian giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	100%
84	24/6	141/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2022 dự án "Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022" của Công ty CP Xi măng La Hiên	100%
85	24/6	142/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức thực hiện LCNT Gói thầu số 2 "Cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường" thuộc Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng	100%
86	24/6	143/NQ-HĐQT	Thông qua theo dõi biến động cổ phiếu MVB trên sàn giao dịch	100%
87	29/6	145/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý III năm 2022	100%
88	29/6	146/NQ-HĐQT	Thông qua đồng ý cho Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI được mua các vật tư và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chi phí sửa chữa năm 2022	100%
89	29/6	147/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thuê tư vấn bồi thường di dời chùa Làng Ngò	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
90	11/7	150/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành phương án "Đền bù XDCT đường tránh thay thế đường chân bãi thải Tây- Công ty than Khánh Hòa"	100%
91	11/7	151/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2025-2030 và giai đoạn 2020-2025 sau rà soát bổ sung	100%
92	11/7	152/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại PGĐ Công ty than Na Dương - VVMI	100%
93	11/7	153/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành phương án "Đền bù XDCT đường tránh thay thế đường chân bãi thải Tây- Công ty than Khánh Hòa"	100%
94	21/7	157/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2429/TKV-TN và số 3287/TKV-KH ngày 20/7/2022	100%
95	28/7	160/NQ-HĐQT	Thông qua ký hợp đồng cho thuê tài sản Khách sạn Mê Linh	100%
96	28/7	161/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ của Tổng công ty	100%
97	28/7	162/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3386/TKV-KH ngày 26/7/2022	100%
98	22/8	167/NQ-HĐQT	Thông qua việc triển khai dự án xây dựng Khu tái định cư Đông Quan- Tạm ứng kinh phí cho BQL ĐTXD Lạng Sơn	100%
99	22/8	168/QĐ-HĐQT	Quy chế quản lý công tác vật tư Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
100	22/8	169/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo Công ty CP Cơ khí và TBAL-VVMI cải thiện các chỉ tiêu tài chính của Công ty	100%
101	22/8	170/NQ-HĐQT	Thông qua bổ sung chi phí đào nắn suối bãi thải Tây (phục vụ công tác đổ thải) Công ty than Khánh Hòa-VVMI	100%
102	29/8	174/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 PGĐ Công ty CP Cơ khí & TB áp lực	100%
103	29/8	175/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm PGĐ Công ty than Núi Hồng-VVMI	100%
104	20/9	179/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại PGĐ Công ty than Na Dương-VVMI	100%
105	20/9	180/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại Kế toán trưởng C.ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	100%
106	20/9	181/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận lao động	100%
107	20/9	182/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4227/TKV-TN	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
108	23/9	183/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
109	26/9	185/NQ-HĐQT	Thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
110	28/9	187/NQ-HĐQT	Thông qua báo cáo KTKT xây dựng công trình: Sân than thành phẩm - Công ty than Khánh Hòa-VVMI	100%
111	29/9	188/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Sân than thành phẩm - Công ty than Khánh Hòa-VVMI	100%
112	29/9	190/NQ-HĐQT	Thông qua phương án triển khai quy trình xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
113	29/9	191/NQ-HĐQT	Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.	100%
114	3/10	194/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ bắt thường năm 2022 Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	100%
115	3/10	196/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức thực hiện LCNT Gói thầu số 2 "Cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường" thuộc Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng	100%
116	3/10	197/NQ-HĐQT	Thông qua mua vật tư của Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	100%
117	3/10	198/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4375/TKV-KH ngày 28/9/2022	100%
118	10/10	199/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung quyết định số 086/QĐ-HĐQT ngày 04/4/2021 của HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
119	10/10	201/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý IV/2022	100%
120	10/10	202/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm PGĐ Công ty CP Cơ khí & TBAL-VVMI	100%
121	10/10	203/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	100%
122	10/10	204/NQ-HĐQT	Thông qua phương án bồi thường GPMB khu 1A thấu kính I- Công ty than Núi Hồng-VVMI	100%
123	10/10	205/NQ-HĐQT	Thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2022 điều chỉnh Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
124	10/10	206/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2022 điều chỉnh Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
125	10/10	207/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án bồi thường GPMB khu 1A thâu kính I- Công ty than Núi Hồng-VVMI	100%
126	27/10	212/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quyết vốn đầu tư hoàn thành dự án "Đầu tư thiết bị phục vụ SX 2021"	100%
127	27/10	213/NQ-HĐQT	Thông qua dừng không đầu tư 01 máy khoan đường kính ≥ 160 mm thuộc Dự án đầu tư thiết bị phục vụ SX-Công ty than Na Dương-VVMI	100%
128	27/10	214/NQ-HĐQT	Thông qua Đề cương và dự toán phương án "Nghiên cứu đánh giá tính khả tuyển than nguyên khai vỉa 2 Mỏ than Núi Hồng"	100%
129	27/10	215/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2022-2023 tại VP Bank Thái Nguyên	100%
130	27/10	216/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2022-2023 tại MB Bank Thái Nguyên	100%
131	27/10	217/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022-2023 tại NH Đông Nam Á Thái Nguyên	100%
132	27/10	218/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý cán bộ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
133	27/10	219/NQ-HĐQT	Thông qua việc ký thuê lao động bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ	100%
134	27/10	220/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021	100%
135	27/10	221/QĐ-HĐQT	Dừng không thực hiện đầu tư máy khoan đường kính ≥ 160 mm Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất-Công ty than Na Dương	100%
136	7/11	223/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI	100%
137	7/11	224/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Tân Quang - VVMI vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2022-2023 tại Ngân hàng MB Tuyên Quang	100%
138	7/11	225/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Tân Quang vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2022-2023 tại Viettinbank Tuyên Quang	100%
139	7/11	226/NQ-HĐQT	Thông qua thay thế NĐDPV TCT tại Công ty CP Vật liệu XD và KDTH-VVMI	100%
140	7/11	227/NQ-HĐQT	Thông qua thay thế NĐDPV TCT tại Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
141	7/11	228/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
142	8/11	229/QĐ-HĐQT	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
143	8/11	230/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng trong Công ty mẹ	100%
144	8/11	231/NQ-HĐQT	Thông qua việc thi hành kỷ luật cán bộ	100%
145	8/11	232/QĐ-HĐQT	Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
146	8/11	233/QĐ-HĐQT	Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Vật liệu xây dựng và KĐTH -VVMI	100%
147	8/11	234/QĐ-HĐQT	Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Cơ khí Mỏ Việt Bắc -VVMI	100%
148	21/11	236/NQ-HĐQT	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2022 của Công ty CP XM La Hiến	100%
149	21/11	237/NQ-HĐQT	Thông qua việc di chuyển chùa Làng Ngò (xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên)	100%
150	25/11	239/NQ-HĐQT	Thông qua Phương án triển khai quy trình xem xét bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
151	25/11	240/NQ-HĐQT	Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
152	8/12	254/NQ-HĐQT	Nghị quyết thông qua việc mua vật tư (cấp bánh răng côn máy nghiền liệu) của Công ty CP XM Quán Triều-VVMI	100%
153	8/12	255/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
154	8/12	256/QĐ-HĐT	Bổ nhiệm Tổng giám đốc Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
155	12/12	258/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản 5596/TKV-TN & 5597/TKV-TN ngày 08/12/2022	100%
156	28/12	260/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao KHPHKD năm 2023 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
157	28/12	261/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
158	28/12	262/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Trưởng phòng An toàn-Bảo vệ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
159	28/12	263/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 5915/TKV-TN ngày 27/12/2022	100%
160	28/12	264/NQ-HĐQT	Thông qua phương án Bồi thường giải phóng mặt bằng tuyến XXVII-XXIXa, thấu kính II- Công ty than Núi Hồng	100%
161	28/12	265/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh phương án Bồi thường, GPMB mở rộng bãi thải Nam (Giai đoạn 2) - Công ty than Khánh Hòa	100%
162	28/12	266/QĐ-HĐQT	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2023 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
163	28/12	267/QĐ-HĐQT	Ban hành Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
164	28/12	268/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án bồi thường GPMB tuyến XXVII- tuyến XXIXa, thấu kính II- Công ty than Núi Hồng	100%
165	28/12	269/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung phương án: Bồi thường, GPMB mở rộng Bãi thải Nam (giai đoạn 2) - Công ty than Khánh Hòa	100%
166	30/12	271/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao đơn giá tiền lương 2023 Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
167	30/12	272/QĐ-HĐQT	Tạm giao đơn giá tiền lương 2023 Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP MVB (%)	Ghi chú
1	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban	0 %	
2	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên	0 %	
3	Lê Xuân Ngợi	Thành viên	0,0029%	Đến ngày 26/4/2022
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0,0028%	Từ ngày 26/4/2022

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

* Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm BKS đã tổ chức 7 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng kế hoạch công tác và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của Tổng công ty, cụ thể:

Lần 1, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý IV và năm 2021 (Trước kiểm toán);

Lần 2, họp thẩm định BCTC năm 2022 của Tổng công ty;

Lần 3, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2021 (sau kiểm toán);

Lần 4, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2022;

Lần 5, họp sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên trong BKS;

Lần 6, họp sau khi kết thúc hoạt động SXKD và lập Báo cáo tài chính của quý II và 6 tháng đầu năm 2022;

Lần 7, họp sau khi kết thúc hoạt động SXKD và lập Báo cáo tài chính của quý III và 9 tháng đầu năm 2022.

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

*** Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm 2022, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát theo các nội dung được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022; các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty, quy định của Pháp luật. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được HĐQT thông qua. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Tổng công ty để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động thực tế tại các bộ phận đơn vị trong Tổng công ty, nhằm kiểm soát hoạt động của các đơn vị đảm bảo tuân theo quy định của Pháp luật cũng như định hướng của HĐQT. Qua đó, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và quy mô phát triển của Tổng công ty. Chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành.

Năm 2022, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban, đồng thời phối hợp với Ban lãnh đạo và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, công tác thuê ngoài, công tác đầu tư, công nợ phải thu của khách hàng.... Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng Tổng công ty và chi nhánh của Tổng công ty. Kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của số liệu báo cáo tài chính trình HĐQT thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán PKF và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Tổng công ty.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Tổng công ty.

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần hành mình được phân công. Kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ của các hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Tiền lương quyết toán năm 2022:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương được hưởng năm 2022 (đ)	Bình quân năm 2022 (đ/th)
1	Trịnh Hồng Ngân	Tổng giám đốc	630.000.000	52.500.000
2	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	567.000.000	47.250.000
3	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	562.142.000	46.845.167
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	567.000.000	47.250.000
5	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	472.500.000	47.250.000
6	Nguyễn Thạc Tân	Phó Tổng giám đốc	411.075.000	47.250.000
7	Lê Minh Hiền	Kế toán trưởng	75.000.000	43.750.000
8	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng Ban KS	588.000.000	49.000.000
	Tổng cộng		3.872.717.000	

b) Thù lao Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2022:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao năm 2022 (đồng)	Bình quân (đồng/tháng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74.400.000	6.200.000
2	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT (Thôi TV HĐQT từ 26/4/2022)	20.880.000	5.400.000
3	Trịnh Hồng Ngân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
4	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
5	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên Ban KS	60.000.000	5.000.000
6	Lê Xuân Ngợi	Thành viên Ban KS (Từ nhiệm BKS từ 26/4/2022)	19.333.000	5.000.000
7	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban KS (Tham gia BKS từ 26/4/2022)	40.667.000	5.000.000

c) Phụ cấp thành viên độc lập HĐQT năm 2022:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền phụ cấp năm 2022 (đ)	BQ năm 2022 (đ.tháng)
1	Phạm Văn Lỗ	Thành viên độc lập HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT từ 26/4/2022)	216.000.000	27.000.000
	Tổng cộng		216.000.000	

d) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: như biểu chi tiết kèm theo.

g) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP vào ngày 31/12/2022. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã công bố thông tin theo quy định gồm:*

- Báo cáo tài chính năm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, Ban KS (egov);
- Tổng GD, Các PTGD (egov);
- Các phòng Tổng công ty (egov);
- Lưu: VT, Thư ký Tcty. (T.03)

Người đại diện theo Pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hồng Ngân

GIAO DỊCH NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY 31/12/2022
(Báo cáo thường niên năm 2022 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP)

TT	Đơn vị/ cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn	Hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến than năm 2022 số 234/2022/HĐKD ngày 29/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng dịch vụ giao nhận than số 298/HĐDV/TKV-VVMI ngày 31/12/2021	
			Hợp đồng mua bán than năm 2022 số 263/HĐ/TKV-VVMI ngày 31/12/2021	
	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin (Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)		Hợp đồng mua bán than năm 2022 số 20/2022/HĐ/KVCP-CNMVB ngày 01/01/2022	
2	Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV	Cùng Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng tư vấn số 746/HĐ-KTKH ngày 18/4/2022 về việc thực hiện lập phương án thi công - dự toán: Khoan thăm dò khai thác mỏ than Khánh Hòa năm 2022 với giá trị hợp đồng là: 19.531.920 đồng	
			Hợp đồng thi công số 1223/HĐ-KTKH ngày 23/6/2022 về việc thi công khoan thăm dò khai thác Mỏ than Khánh Hòa năm 2022 với giá trị là 1.761.045.362 đồng	
			Hợp đồng thi công số 1107/HĐ-KTKH ngày 07/6/2022 về việc thi công phương án thành lập bổ sung bản đồ cơ lý đá Na Dương với giá trị HĐ là 732.518.052 đồng	
3	Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước số: 3817 /HĐMB/TKH - XMLH ngày 28/12/2021 với giá trị HĐ là 4.277.000.000đ	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
4	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2022 số 0161/HĐ-KTKH ngày 17/1/2022	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng mua bán đá vôi thải số : 3889 /HĐ/TKH - XMQT ngày 31/12/2021 với giá trị HĐ là 21.908.899.500 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết

TT	Đơn vị/ cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng mua bán đá sét thải số 210 /HĐ/TKH - XMQT ngày 02/01/2022 với giá trị hợp đồng là 283.380.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước số 212 /HĐ/TKH - XMQT ngày 02/01/2022 với giá trị HĐ là 2.834.006.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 0201/HĐMB/NH-QT ngày 02/01/2022 về cung cấp vỏ bao giấy KPK cho nhà máy xi măng với giá trị HĐ là 24.778.792.500 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
5	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2022 số 0164/HĐ-KTKH ngày 17/1/2022	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng số 22.0309.NH/HĐ-CTQ ngày 09/3/2022 về việc Cung cấp vỏ bao giấy KPK cho nhà máy xi măng Tân Quang với giá trị HĐ là 12.881.137.500 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
6	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty con	Hợp đồng sửa chữa trung đại tu máy Gạt D7 số 3 số : 317 /HĐ/TKH - CKM/2022 ngày 28/1/2022 với giá trị HĐ là 1.960.264.699 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu xe ô tô KOMATSU HD 465-7R số 41 số : 319 /HĐ/TKH - CKM/2022 ngày 28/1/2022 với giá trị HĐ là 3.960.802.785 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu xe ô tô Howo 371 số 21 số 03/HĐ/CKM-TNH/2022 ngày 16/5/2022 với giá trị HĐ là 521.856.800 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu xe ô tô Howo 371 số 22 số 02/HĐ/CKM-TNH/2022 ngày 07/03/2022 với giá trị là 530.553.494 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết

TT	Đơn vị/ cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng số 200/HĐ-ND/CKM/2022 ngày 21/1/2022 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT số 54 với giá trị HĐ là 3.513.160.531 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 202/HĐ-ND/CKM/2022 ngày 21/1/2022 về việc Trung đại tu xe CAT số 80 với giá trị HĐ là 3.419.130.175 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 258/HĐ-ND/CKM/2022 ngày 25/1/2022 về việc Trung đại tu xe CAT số 84 với giá trị HĐ là 3.461.624.102 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 874/HĐ/TND-CKM ngày 31/3/2022 về việc Trung đại tu máy xúc CAT 330D với giá trị HĐ là 3.000.205.996 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 2397/HĐ/ND-CKM/2022 ngày 19/8/2022 về việc Trung đại tu xe CAT số 82 với giá trị HĐ là 3.642.090.177 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 2304/HĐ/ND-CKM/2022 ngày 09/08/2022 về việc Trung đại tu máy xúc 4.6.1 với giá trị HĐ là 2.694.709.673 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 2444/HĐ/ND-CKM/2022 về việc Trung đại tu xe CAT số 83 ngày 23/08/2022 với giá trị HĐ là 3.715.820.855 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			Hợp đồng số 2593/HĐ/ND-CKM/2022 ngày 06/09/2022 về việc Trung đại tu máy xúc Hitachi số 1 với giá trị HĐ là 4.112.883.766 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết

TT	Đơn vị/ cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
7	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Công ty con	HĐ trung đại tu máy xúc Hyundai 180LC-7 số 1 số 822/HĐ/APLUCO-TNH (Ngày 12/4/2022) giá trị là 925.135.818 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết
			HĐ trung đại tu máy xúc Hyundai 210W-9S số 1 số 2196/HĐ/APLUCO-TNH/2022, ngày 21 tháng 09 năm 2022, giá trị HĐ: 988.257.981 đồng	HĐ do Công ty Than Núi Hồng- VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
8	Cty CPVLXD và KDTH - VVMI	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc thuê vận chuyển than bằng đường sắt số 30/HĐKT ngày 17/02/2022	HĐ do Công ty Than Núi Hồng- VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết